TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2017
V/v "tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Loan.
2. Ông Trần Đại Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết L, sinh năm 1984, địa chỉ cư trú: tổ 12, ấp TN, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Quang K, sinh năm 1981, địa chỉ cư trú: tổ 12, ấp TN, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đoàn Quang K tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/5/2003. Chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra tranh cãi. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh K không chuyên tâm làm ăn, thường xuyên uống rượu chửi mắng xúc phạm chị và người thân trong gia đình chị. Chị nhiều lần khuyên lơn, tha thứ nhưng anh K không thay đổi. Từ tháng 9/2016 đến nay, chị và anh K tuy sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc và thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Anh K cũng đã có biện pháp hàn gắn tình cảm nhưng do chị không còn tình cảm vợ chồng với anh K nên không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa

chị và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không còn tình cảm vợ chồng nên xin được ly hôn anh K.

Về nuôi con chung: trong thời gian chung sống chị và anh K có 02 người con chung gồm các cháu: Đoàn Ngọc Tường V – sinh ngày 24/11/2008 và Đoàn Nhật Đăng K1 – sinh ngày 24/8/2004 hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đoàn Quang K trình bày:*

Anh thống nhất với trình bày của chị Trần Thị Tuyết L về việc kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và về chia tài sản. Anh xác định không còn giải pháp khắc phục, hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị L. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Nhật Đăng K1, việc cấp dưỡng nuôi con sẽ do anh tự thỏa thuận với chị L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện T*:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: các bên đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Riêng đối với thời hạn chuẩn bị xét xử là chưa bảo đảm đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết tranh chấp: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L; giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản không đặt ra xem xét; chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết L khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Đoàn Quang K có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị L và anh K tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2003, có đăng ký kết hôn, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị Loan có đơn yêu cầu xin ly hôn anh K, xét thời điểm hiện tại Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực, việc kết hôn của chị L và anh K cũng thỏa mãn các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này, chị L và anh K cũng không có tranh chấp về tài sản nên Tòa án áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chị L được quyền đơn phương xin ly hôn anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 51.

[2.2] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh K xảy ra đã lâu (từ năm 2013), nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên trong quá trình chung sống thường xảy ra tranh cãi. Chị L đã khuyên lơn, tạo điều kiện nhưng

anh K không khắc phục những thiếu sót của bản thân nên từ tháng 9/2016 đến nay, chị L và anh K tuy sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc và thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Trong quá trình giải quyết, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng chị L vẫn kiên quyết ly hôn, anh K không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có giải pháp khắc phục, hòa giải mâu thuẫn để duy trì quan hệ hôn nhân với chị L. Do vậy, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L, cho ly hôn giữa chị L và anh K. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K được chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, chị L và anh K có 02 con chung là cháu Đoàn Nhật Đăng K1, sinh ngày 24/8/2004 và cháu Đoàn Ngọc Tường V, sinh ngày 24/11/2008. Ly hôn, chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh K xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1. Xét nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của các bên đương sự là chính đáng, tuy nhiên cả hai con chung hiện do chị L nuôi dưỡng và có nguyện vọng được sống với mẹ, chị L có công việc và thu nhập bảo đảm cho việc nuôi dưỡng con cũng như nhận được sự trợ giúp người thân trong khi anh K phải đi làm xa khó khăn trong việc trực tiếp nuôi dưỡng con nên giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết, chị L không yêu cầu, anh K đề nghị được tự thỏa thuận với chị L. Tòa án đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nhưng chị L vẫn xác định không yêu cầu, anh K cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết chị L và anh K được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về chia tài sản: chị L và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí: chị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, và các Điều 203, 220, 235, 266 của Bộ luật tố tụng dân dân sự;

- Áp dụng Điều 8, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Tuyết L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Tuyết L và anh Đoàn Quang K. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K được chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Đoàn Nhật Đăng K1, sinh ngày 24/8/2004 và Đoàn Ngọc Tường V, sinh ngày 24/11/2008 cho chị Trần Thị Tuyết L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Tạm thời anh Đoàn Quang K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Anh Đoàn Quang K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết chị Trần Thị Tuyết L và anh Đoàn Quang K được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 002013 ngày 10/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Tuyết L và anh Đoàn Quang K được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã X,
huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trung Hưng